TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 280/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2025, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (CCCD số: 044190010759 cấp ngày 11/10/2022); thường trú: thôn P, xã T, tỉnh Quảng Trị; tạm trú: số A, đường B, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: anh Cao Trọng Phong T, sinh năm 1992 (CCCD số: 074092006734 cấp ngày 10/5/2021); thường trú: số 219/44. đường ĐT743A, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Cao Trọng Phong T tự nguyện yêu nhau và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 ngày 31/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung,

sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm hiện tại không còn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, anh T đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2025 đến nay, không liên lạc với gia đình, không chăm lo cho con cái. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Cao Nguyễn Gia H1, sinh ngày 14/11/2016 và Cao Trọng Gia H2, sinh ngày 04/8/2020 và không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn anh Cao Trọng Phong T nhưng anh T không có mặt tại Toà án để có ý kiến, hoặc nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với bị đơn anh T và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng; được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với anh Cao Trọng Phong T. Theo kết quả xác minh của Công an phường D, thì anh T đã bán nhà tại địa chỉ: số B, đường Đ, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển đi nơi khác, hiện không rõ sinh sống ở đâu. Do không cung cấp được địa chỉ cư trú mới của bị đơn nên nguyên đơn có quyền yêu cầu Toà án nơi bị đơn cư trú cuối cùng giải quyết. Căn cứ các Điều: 28, 35, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt hai lần không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo

quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều luật trên.

[2] Về nội dung: chị H và anh T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 ngày 31/8/2016 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Việc anh T bỏ nhà đi từ đầu năm 2025 đến nay, không liên lạc với gia đình, không chăm cho cho các con, không có sự chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện tại chị H xác định không còn tình cảm với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ mà giao nộp cho Tòa án, nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị H cũng như tiến hành thông báo để anh T đến Tòa án tham gia phiên hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do. Nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị H được ly hôn anh T, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh T có 02 con chung tên Cao Nguyễn Gia H1, sinh ngày 14/11/2016 và Cao Trọng Gia H2, sinh ngày 04/8/2020. Chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục được quyền nuôi dưỡng các con chung. Xét yêu cầu của chị H, thấy rằng: Việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom chăm sóc. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu H1 và căn cứ việc cháu H2 còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Thực tế chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, có công việc, thu nhập ổn định và cuộc sống của con chung vẫn ổn định nên đã đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển bình thường, ổn định của con không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi con nên yêu cầu của chị H về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí đăng báo trên phương tiện thông tin đại chúng: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 36, 39, 147, 180, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Cao Trọng Phong T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Cao Trọng Phong T.

- Về con chung: Giao con chung tên Cao Nguyễn Gia H1, sinh ngày 14/11/2016 và Cao Trọng Gia H2, sinh ngày 04/8/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh Cao Trọng Phong T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008386 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng: chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng chị H đã nộp tạm ứng, hoàn lại cho chị H số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng. Đã thực hiện xong.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân